**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN PHÚ QUỐC**
TỈNH KIÊN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2019
V/v: "Xin ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Trương Ngọc Hồng**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**
2. Ông **Dương Tấn Đấu**

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc***: Ông **Lê Minh Dũng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGD ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc "Xin ly hôn ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 69/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị Kim H1**, sinh năm 1978.

ĐKTT: Ấp V, xã D, huyện, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: Số 44 đường C R G B, tổ 10, thành phố L, tỉnh A.

*** Bị đơn:** Ông **Lê Nguyên H2,** sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp V, xã D, huyện P, tỉnh K.

*(Bà H1 có đơn xin vắng mặt; ông H2 vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 trình bày**: Vào năm 1995, bà và ông Lê Nguyên H2 tìm hiểu và tự nguyện đến

với nhau chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện P, tỉnh K theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2007, ngày 19/7/2007.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vì nghĩ đến các con ông bà cố hàn gắng lại với nhau, để cùng nhau lo cho các con nhưng không được, nên cũng từ năm 2016 bà và ông H2 sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể nào chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H2.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có với nhau hai người con chung tên Lê Văn H3, sinh ngày 16/11/1996 và Lê Văn S, sinh ngày 13/9/2006. Hiện cháu H3 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu S đã lớn có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu cháu có nguyện vọng sống với bà thì bà không yêu cầu ông H2 phải cấp dưỡng nuôi còn cùng bà.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Nguyên H2 được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần như Thông báo thụ lý vụ án ngày 06/7/2018, giấy triệu tập lần thứ nhất ngày 26/7/2018, giấy triệu tập lần thứ hai ngày 14/8/2018, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/8/2018, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/9/2018 nhưng do ông H2 thường xuyên vắng mặt tại nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Do dó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải giữa các bên đương sự.

* Kiểm sát viên có ý kiến cho rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai, hòa giải, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định. Đối với Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng phiên tòa từ khi khai mạc phiên tòa cho đến thời điểm trước nghị án. Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa

án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1 được ly hôn với ông H2. Giao con chung cho bà H1 chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Lê Nguyên H2 đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai (lần thứ nhất ngày 18/12/2018) nhưng vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông H2 không vì sự kiện bất khả kháng. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995, bà H1 và ông H2 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện P, tỉnh K theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2007 ngày 19/7/2007, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà H1 yêu cầu được ly hôn với ông H2.

[3] Tại bản tự khai bà H1 khẳng định không còn tình cảm với ông H2 nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Tại biên bản xác minh ông Trần Ngọc Q là Phó ban nhân dân ấp V xác định: "Bà Nguyễn Thị Kim H1 và ông Lê Nguyên H2 có sinh sống tại tổ 5, ấp V, xã D, huyện P nhưng hiện nay hai người đã không còn sống chung vợ chồng với nhau đã hơn 02 năm nay… Trước đây hai vợ chồng bà H1 và ông H2 sinh sống tại đây thường xảy ra mâu thuẫn với nhau, ông H2 thường hay uống rượu về đánh đập, hành hạ vợ con, Ban nhân dân cũng nhiều lần hòa giải cho hai người, nhưng do bà H1 không chịu hàn gắn nên đã bỏ về đất liền sinh sống".

Xét thấy bà H1 và ông H2 đã sống ly thân với nhau nhiều năm nay, tình cảm của bà H1 đối với ông H2 không còn, cuộc sống vợ chồng giữa ông bà không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1 được ly hôn với ông H2.

[4] Về con chung: Bà H1 và ông H2 có với nhau hai người con chung tên Lê Văn H3, sinh ngày 16/11/1996 và Lê Văn S, sinh ngày 13/9/2006. Hiện cháu H3 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu S tại bản tự khai ngày 10/7/2018 cháu S khai nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu được sống với mẹ, đây là nguyện vọng của cháu, không ai ép buộc. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu S cho bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà H1 không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi còn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H1 được ly hôn với ông Lê Nguyên H2.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn S, sinh ngày 13/9/2006 cho bà H1 chăm sóc nuôi dưỡng đến tưởi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông H2 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà H1.

Ông H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con, bà H1 và ông H2 có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà H1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003243 ngày 03/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Bà H1 đã nộp xong. Ông H2 không phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản bán được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trương Ngọc Hồng**